

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

và gia đình - Ly hôn và nuôi con”.

Trong thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc. Nhưng thời gian gần đây, anh Đ không quan tâm đến gia đình con cái, không chăm lo cho gia đình dẫn đến vợ chồng có nhiều mâu thuẫn. Mọi việc kinh tế gia đình và chăm sóc con cái đều do chị phụ trách, anh Đ không quan tâm.

Chị đã nhiều lần tâm sự, trao đổi với anh Đ để hàn gắn tình cảm vợ chồng lại với nhau, nhưng anh Đ không thay đổi bản thân nên cả hai đều không hàn gắn được, tình cảm cả hai đều không còn, không còn quan tâm lẫn nhau, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Vợ chồng ly thân khoảng 2 năm nay. Trong thời gian ly thân, anh chị có gặp nhau nhưng không hàn gắn được, gia đình hai bên cũng không giải quyết gì cho anh chị. Ngoài ra, ý kiến của anh Đ khi trao đổi với chị, anh Đ cũng mong muốn ly hôn với chị. Hiện nay, chị có công việc ổn định, thu nhập bình quân khoảng 6 – 8 triệu đồng/tháng.

Nay, chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên Chị Ng yêu cầu được ly hôn với anh Lê Hồng Đ.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên là Lê Phạm Duy Kh, sinh ngày 30/3/2014 và Lê Phạm Thảo V, sinh ngày 07/7/2016. Hiện nay, các con đang sống chung với Chị Ng. Từ khi ly thân đến nay các con sống chung với chị, cuộc sống, học tập và môi trường sinh hoạt hiện rất tốt nên khi ly hôn, chị yêu cầu được quyền nuôi con chung, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ ai, cũng không có ai nợ vợ chồng.

** Trong quá trình tố tụng, bị đơn Lê Hồng Đ vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, cũng như vắng mặt tại phiên tòa. Tại bản tự khai và đơn đề nghị xét xử vắng mặt cùng ngày 29/01/2020, bị đơn Lê Hồng Đ trình bày:*

Anh thống nhất và đồng ý với toàn bộ lời trình bày và yêu cầu của chị Phạm Thảo Ng.

- Về hôn nhân: Anh với Chị Ng kết hôn năm 2013, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Mỹ Thọ, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trong thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc. Nhưng thời gian gần đây, anh chị thường xuyên mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, ý kiến với nhau, dẫn đến cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Anh chị cũng đã cố hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng mâu thuẫn lại tiếp diễn, không tìm được tiếng nói chung với nhau. Anh chị đã ly thân với nhau được 02 năm, trong thời gian đó anh chị cũng suy nghĩ nhiều về hôn nhân này, nhưng cũng không có kết quả.

Nay, anh và Chị Ng không còn tình cảm với nhau, hôn nhân không đi đến kết quả nên anh đồng ý ly hôn với chị Phạm Thảo Ng.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên là Lê Phạm Duy Kh, sinh ngày 30/3/2014 và Lê Phạm Thảo V, sinh ngày 07/7/2016. Hiện nay các

con đang sống chung với Chị Ng. Khi ly hôn, anh đồng ý giao các con chung cho Chị Ng tiếp tục nuôi dưỡng.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

Ngoài ra, anh Lê Hồng Đ đề nghị xét xử vắng mặt anh. Anh thống nhất với phán quyết của Tòa án, không thắc mắc hay khiếu nại gì.

** Các tài liệu, chứng cứ do các đương sự cung cấp:*

- Các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn giao nộp gồm:

+ Trích lục kết hôn (bản sao);

+ Khai sinh tên Lê Phạm Duy Kh và Lê Phạm Thảo V (photo);

+ Giấy CMND, Hộ khẩu tên Phạm Thảo Ng (photo chứng thực);

- Các tài liệu, chứng cứ bị đơn giao nộp gồm:

+ Bản tự khai và đơn đề nghị xét xử vắng mặt cùng ngày 29/01/2020 có xác nhận của ông Lê Văn Hoài và ông Trần Văn Thanh (bản chính).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật: Hội đồng xét xử xét thấy, theo yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thảo Ng là yêu cầu được ly hôn với anh Lê Hồng Đ và yêu cầu nuôi con nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình - Ly hôn và nuôi con*” theo quy định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền: Hội đồng xét xử xét thấy, tranh chấp về hôn nhân và gia đình - Ly hôn và nuôi con giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo quy định tại khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đồng thời, địa chỉ của bị đơn tại Khóm M, TT. M, huyện Cao Lãnh, Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với anh Lê Hồng Đ, trong quá trình tố tụng, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Đ và thông báo về nội dung vụ án cho anh Đ biết; ngoài ra, cũng đã triệu tập anh Đ đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, cũng như tham dự phiên tòa xét xử nhưng anh Đ vắng mặt có đơn xin vắng mặt phiên họp, hòa

giải và đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh Lê Hồng Đ theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Phạm Thảo Ng, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Ng và anh Đ chung sống và kết hôn năm 2013, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn M, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 34 ngày 10/4/2013 do UBND thị trấn M, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp chứng nhận. Như vậy, hôn nhân của Chị Ng và anh Đ là tự nguyện và hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét về quá trình chung sống: Trong thời gian đầu, cuộc sống vợ chồng anh chị có hạnh phúc, nhưng thời gian sau này không còn hạnh phúc. Nguyên nhân mâu thuẫn, phát sinh từ việc anh Đ không quan tâm, lo lắng đến gia đình con cái dẫn đến vợ chồng có nhiều mâu thuẫn; ngoài ra, mọi việc kinh tế gia đình, chăm sóc con cái đều do Chị Ng phụ trách, anh Đ không quan tâm. Mặc dù, Chị Ng đã nhiều lần tâm sự, trao đổi với anh Đ để hàn gắn tình cảm vợ chồng lại với nhau nhưng anh Đ không thay đổi bản thân, nên cả hai đều không hàn gắn được, tình cảm vợ chồng không còn, không còn quan tâm lẫn nhau, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng; bên cạnh đó, anh Đ và Chị Ng đã ly thân khoảng 2 năm nay, trong thời gian ly thân anh chị có gặp nhau nhưng không hàn gắn được, gia đình hai bên cũng không giải quyết gì cho anh chị.

Xét tại bản tự khai ngày 29/01/2020, phía bị đơn anh Đ thừa nhận cuộc sống vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, ý kiến với nhau, dẫn đến cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc và anh Đ cũng đồng ý ly hôn với Chị Ng.

Hội đồng xét xử nhận định, mâu thuẫn giữa Chị Ng và anh Đ đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; ngoài ra, anh Đ cũng thừa nhận và đồng ý ly hôn với Chị Ng nên yêu cầu xin ly hôn của Chị Ng là có căn cứ.

[2.2] Xét về con chung, Hội đồng xét xử xét thấy: Chị Ng và anh Đ có 02 con chung là Lê Phạm Duy Kh, sinh ngày 30/3/2014 và Lê Phạm Thảo V, sinh ngày 07/7/2016, theo khai sinh đăng ký ngày 23/4/2014, khai sinh đăng ký ngày 04/8/2016 và lời thừa nhận của các đương sự là đúng sự thật.

Xét yêu cầu nuôi con của Chị Ng, Hội đồng xét xử xét thấy: Tại bản tự khai ngày 29/01/2020, anh Đ đồng ý giao các con chung cho Chị Ng tiếp tục nuôi dưỡng. Tuy nhiên, việc giao con cho ai nuôi, cần phải xem xét mọi mặt về quyền lợi của con chưa thành niên. Nhận thấy, hiện nay cháu Khang và Vy đang sống chung với Chị Ng, cuộc sống của các cháu đang ổn định, đời sống sinh hoạt, môi trường học tập vẫn ổn định và phát triển về mọi mặt; bên cạnh

đó, Chị Ng hiện có công việc thu nhập ổn định đủ để nuôi con ăn học. Do vậy, yêu cầu nuôi con của Chị Ng là có cơ sở, phù hợp với thực tế và ý kiến của anh Đ nên yêu cầu của Chị Ng là có căn cứ.

Xét về cấp dưỡng nuôi con chung, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, Chị Ng không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung và anh Đ cũng không đồng ý tự nguyện cấp dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy: Chị Ng đủ khả năng nuôi, chăm sóc và giáo dục con chung và việc không yêu cầu cấp dưỡng là tự nguyện, phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với việc thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung thì anh Đ vẫn được quyền đến thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

[2.3] Xét về tài sản chung: Các đương sự trình bày, vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét là phù hợp.

[2.4] Xét về nợ chung: Các đương sự trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Phạm Thảo Ng.

[2.5] Chị Ng là nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 8, 9, 51, 56, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Phạm Thảo Ng.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thảo Ng được ly hôn với anh Lê Hồng Đ.

2. Về con chung: Chị Phạm Thảo Ng được quyền tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung là Lê Phạm Duy Kh, sinh ngày 30/3/2014 và Lê Phạm Thảo V, sinh ngày 07/7/2016. Anh Lê Hồng Đ không phải cấp dưỡng nuôi con (do Chị Ng không yêu cầu).

Anh Lê Hồng Đ được quyền đến thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung: Chị Phạm Thảo Ng và anh Lê Hồng Đ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị Ng và anh Đ không có nợ ai, cũng không có ai nợ Chị Ng và anh Đ.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Chị Phạm Thảo Ng phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số BH/2018/0009476 ngày 09/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh. Như vậy, Chị Ng đã nộp xong án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo:

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, Chị Ng được quyền làm đơn kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp. Riêng, anh Đ vắng mặt tại phiên tòa, được quyền làm đơn kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND HCL;
- TAND tỉnh;
- Chi cục THADS HCL;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký tên và đóng dấu)

Lê Văn Tinh